

MARKET INSIGHTS REPORTS

23/08/2023

VÙNG GIÁ 1,200 – 1,210 ĐIỂM LÀ KHU VỰC
KHÁNG CỰ MẠNH



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng giảm không phải là mô hình quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý: (i) Hiện chỉ số đang nằm ở khu vực MA(50), về kỹ thuật khối lượng sụt giảm ở khu vực này cũng là tín hiệu tốt. (ii) Về lý thuyết chúng ta đang trong pha điều chỉnh giảm giá của thị trường. Câu chuyện tiếp theo là tìm điểm hỗ trợ tiềm năng mà thị trường có thể tạo đáy. Các mốc hỗ trợ tiềm năng là từ 1,100 – 1,160 điểm (Tương ứng với vùng hỗ trợ của sóng giảm 4 theo sóng Elliot. Với phiên giao dịch hôm nay, chỉ số ít nhiều cũng cho thấy khả năng đã chạm đáy của đợt điều chỉnh sóng A và có thể bắt đầu vào pha sóng B tăng giá. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý giới hạn tăng điểm của sóng B sẽ là 1,210 điểm và do vậy nhà đầu tư cần thận trọng khi chỉ số tiến về khu vực kháng cự này. (iii) Trong giai đoạn này sẽ có khoảng 10% số mã sẽ tiếp tục phá đỉnh và cũng có khoảng 10 – 20% số mã sẽ tiếp tục phá đáy. Do vậy, nhà đầu tư nên chú trọng quản trị rủi ro với danh mục mình nắm giữ hơn chỉ nhìn chỉ số chung.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang VCB, STB, SSI, TPB... cho tín hiệu tiêu cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 58.62% giá đóng cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch ngày mai. Kháng cự là 1,210 điểm. Hỗ trợ vùng 1,150 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

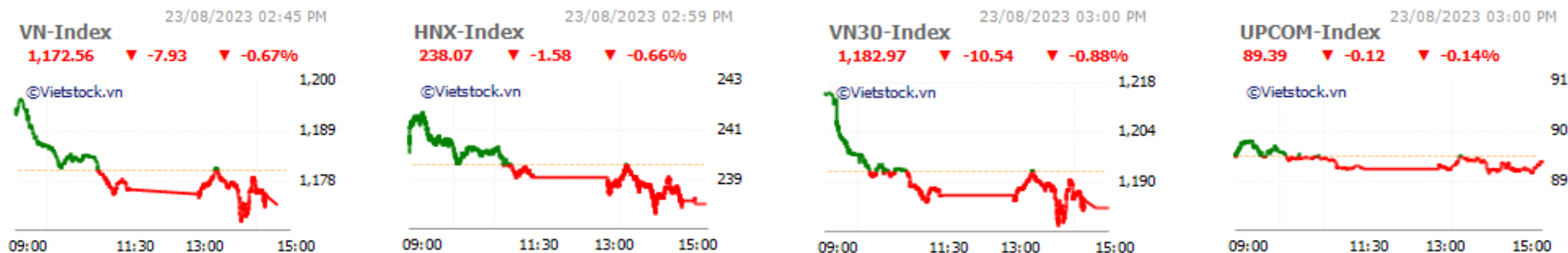
Biểu đồ trong ngày:

- Cuộc đua giành mặt trắng vẫn tiếp tục;

TTCK Mỹ: Dự báo các chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	528
Số cổ phiếu không có giao dịch	22
Số cổ phiếu tăng giá	176 / 32.00%
Số cổ phiếu giảm giá	281 / 51.09%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	93 / 16.91%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	235
Số cổ phiếu không có giao dịch	96
Số cổ phiếu tăng giá	76 / 22.96%
Số cổ phiếu giảm giá	95 / 28.70%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	160 / 48.34%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	348
Số cổ phiếu không có giao dịch	511
Số cổ phiếu tăng giá	188 / 21.89%
Số cổ phiếu giảm giá	87 / 10.13%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	584 / 67.99%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	45,585,879	68,945,454	-23,359,575
% KL toàn thị trường	6,10%	9,23%	
Giá trị	1760,12 tỷ	2316,48 tỷ	-556,36 tỷ
% GT toàn thị trường	11,84%	15,58%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	978,093	903,639	74,454
% KL toàn thị trường	1,37%	1,26%	
Giá trị	28,44 tỷ	23,21 tỷ	5,23 tỷ
% GT toàn thị trường	4,21%	3,43%	

UPCOM

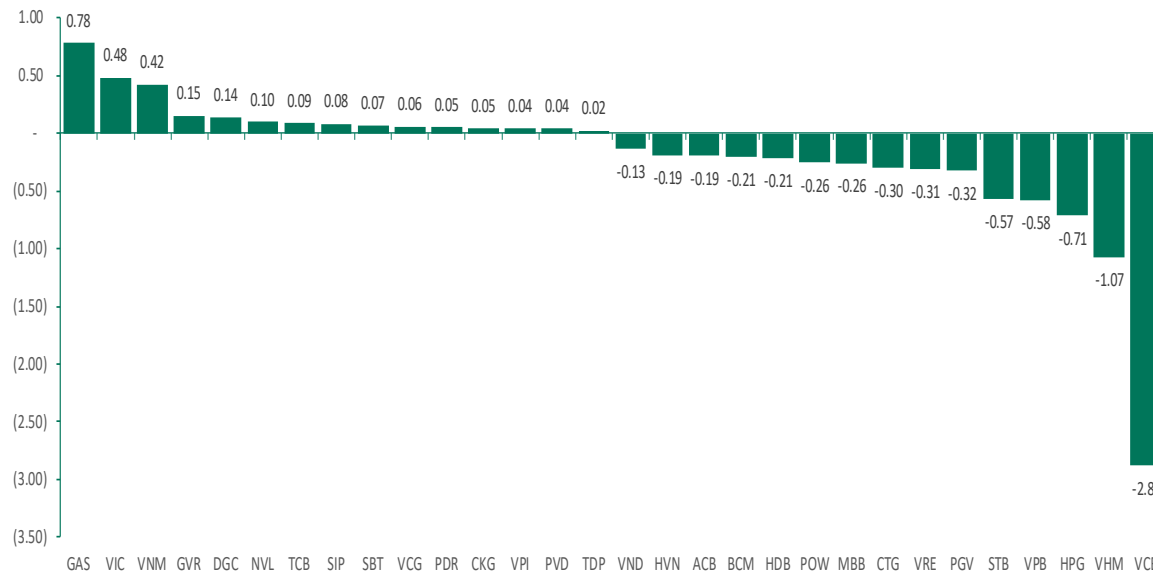
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	805,500	419,103	386,397
% KL toàn thị trường	1,50%	0,78%	
Giá trị	26,01 tỷ	15,87 tỷ	10,15 tỷ
% GT toàn thị trường	6,31%	3,85%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

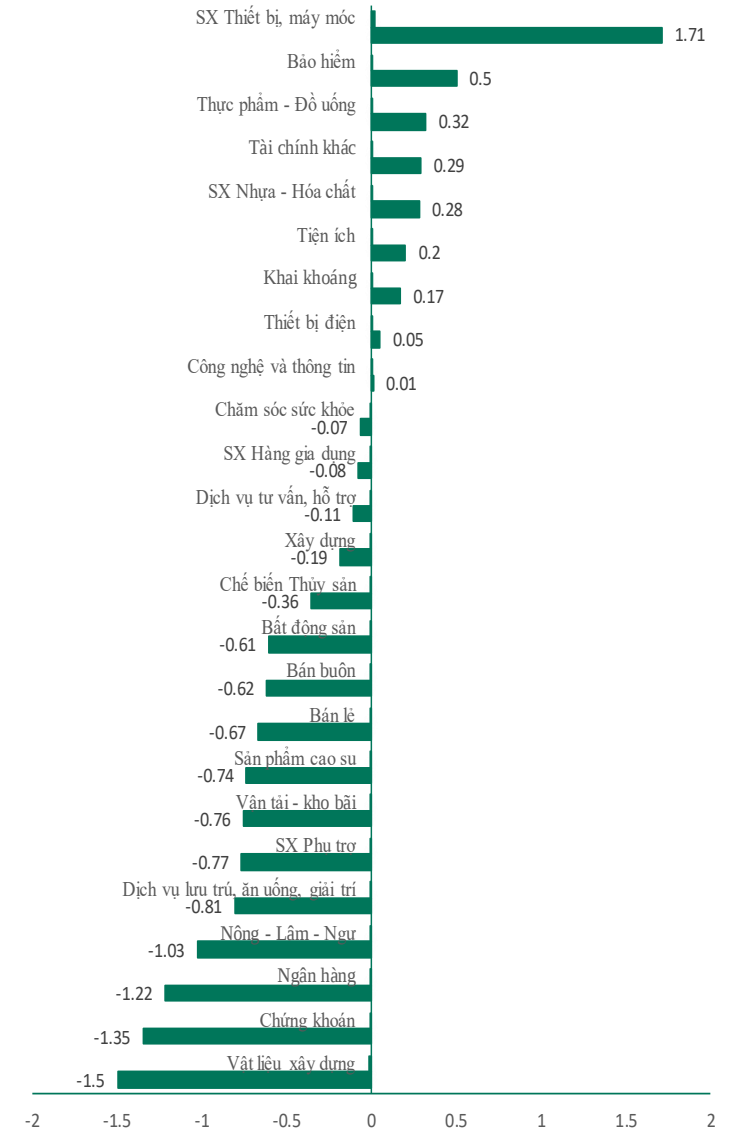
TÓP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,754,800	86,300	-2,100 (-2.38%)	14.83	3.17	5,821	482,339
2	VIC	20,341,500	65,000	500 (0.78%)	27.46	1.80	2,367	247,906
3	VHM	6,684,500	54,500	-1,000 (-1.8%)	8.23	1.40	6,621	237,313
4	BID	1,363,100	45,700	-100 (-0.22%)	14.62	2.02	3,125	231,175
5	GAS	724,300	101,900	1,600 (1.6%)	13.32	2.89	7,649	195,032
6	VNM	3,072,800	73,500	800 (1.1%)	20.24	4.19	3,632	153,612
7	CTG	4,377,400	31,300	-250 (-0.79%)	8.97	1.27	3,491	150,420
8	HPG	21,774,300	25,650	-500 (-1.91%)	17.67	1.52	1,452	149,149
9	VPB	14,416,600	20,250	-350 (-1.7%)	7.45	1.26	2,718	135,942
10	TCB	9,087,900	33,200	100 (0.3%)	5.80	0.95	5,725	116,772

TÓP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Vùng giá 1,200 – 1,210 là khu vực kháng cự mạnh

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 0.73 điểm (+ 0.06%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Sản xuất thiết bị máy móc, bảo hiểm, thực phẩm đồ uống, tài chính khác, sản xuất nhựa hóa chất, tiện ích, khai khoáng, thiết bị điện, công nghệ thông tin... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đã giảm được kìm hãm bởi các cổ phiếu như NHH, BVH, PVI, VNR, VNM, SAB, IPA, GVR, DGC, GAS, GEX, ELC ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GAS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá phục hồi từ hỗ trợ động MA(50) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) BVH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Hammer”;
- ✓ Giá phục hồi từ hỗ trợ động MA(50) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá vận động theo mô hình 5 sóng giảm giá nhỏ. Hiện đang ở sóng 4 đối kháng tăng giá với mẫu hình ABC;
- ✓ Kháng cự mẫu hình này là 45 – 47;
- ✓ Giá mục tiêu sóng 5 nhỏ 40 – 43;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(iii) VNM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Bullish Engulfing”;
- ✓ Giá đang trong sóng 4 giảm giá với mẫu hình ABC. Đã vận động hình thành một dạng lá cờ;
- ✓ Hỗ trợ của mô hình này quanh vùng giá 71 – 72;
- ✓ Break out giá 76 sẽ xác nhận sóng 5 tăng giá với giá mục tiêu 85;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Vật liệu xây dựng, chứng khoán, ngân hàng, nông lâm ngư, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, sản xuất phụ trợ, vận tải kho bãi, sản phẩm cao su, bán lẻ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như HPG, HSG, VCS, SSI, VND, VCI, HCM, VIX, SHS, HAG, HNG, VCB, BID, CTG, VPB, STB, VIB, VNG, NVT, DAH, PNJ, ACG, PTB, DHC, VJC, HVN, CSM, MWG, FRT ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) HSG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá đang nằm ở khu vực hỗ trợ động MA(50) – Chưa có dấu hiệu Break Down;
- ✓ Dải băng lại thu hẹp trở lại – Cổ phiếu có thể lại vào pha đi ngang;
- ✓ Tin hỗ trợ là xuất khẩu ngành thép tháng 7 tăng 66% svck trong đó sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép cũng tăng trưởng mạnh;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Cổ phiếu đang ở kháng cự của sóng 5 tăng giá quanh vùng giá 31 – 32;
- ✓ Mẫu hình vận động đang có hai đỉnh với phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều;
- ✓ Khối lượng giao dịch tăng mạnh nhưng giá chưa bứt phá khỏi nền giá 1 tháng qua. Chúng tôi lưu ý nếu SSI vẫn giao dịch trong trạng thái như này thì rủi ro cổ phiếu sẽ gia tăng bởi hiệu ứng giảm bù. Do vậy, nhà đầu tư nếu đang nắm giữ cổ phiếu này cần thận trọng quan sát và nên đề lệnh Trailing Stop nếu xuất giá bất ngờ đảo chiều xu hướng tăng giá hiện tại;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(iii) STB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Phân kỳ âm giữa giá và RSI(14) vẫn cản trở đà tăng của cổ phiếu;
- ✓ Giao dịch gần đây mang xu hướng tiêu cực với các nền giảm thường xóa sạch các cây nến tăng trưởng đó;
- ✓ Tin đồn về hoạt động đấu giá khu công nghiệp Phong Phú ảnh hưởng nhiều tới giao dịch của cổ phiếu này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(iv) VCS giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Vận động trung hạn theo mô hình Scallops, Ascending and Inverted – Tín hiệu xấu;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu xấu;
- ✓ Giá nằm dưới MA(50) – Tín hiệu xấu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(vi) PNJ giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Vận động giá theo mô hình giá xuống với 5 sóng nhỏ;
- ✓ Kháng cự sóng 4 nhỏ là 80;
- ✓ Sóng 5 giảm giá có mục tiêu giá 72;
- ✓ Giá đang ở hỗ trợ động MA(50) – Tín hiệu tốt;
- ✓ Khối lượng giao dịch suy giảm tại khu vực MA(50) – Tín hiệu tốt;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

Phân tích kỹ thuật

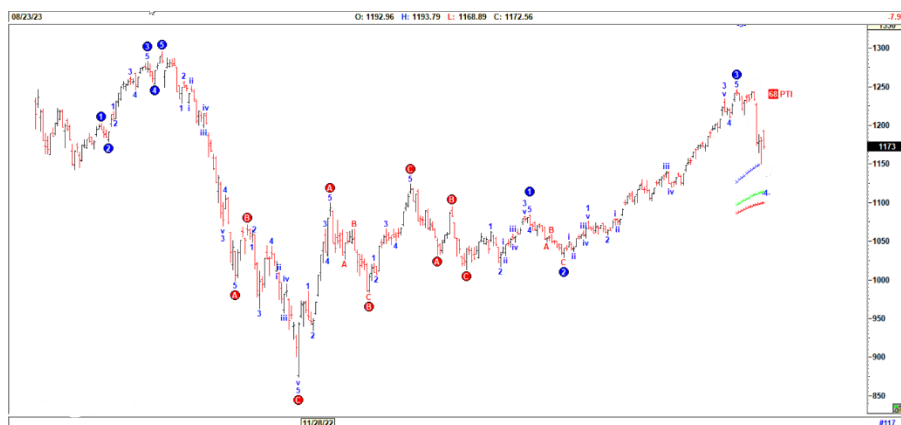
VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng giảm không phải là mô hình quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý: (i) Hiện chỉ số đang nằm ở khu vực MA(50), về kỹ thuật khối lượng sụt giảm ở khu vực này cũng là tín hiệu tốt. (ii) Về lý thuyết chúng ta đang trong pha điều chỉnh giảm giá của thị trường. Câu chuyện tiếp theo là tìm điểm hỗ trợ tiềm năng mà thị trường có thể tạo đáy. Các mốc hỗ trợ tiềm năng là từ 1,100 – 1,160 điểm (Tương ứng với vùng hỗ trợ của sóng giảm 4 theo sóng Elliot. Với phiên giao dịch hôm nay, chỉ số ít nhiều cũng cho thấy khả năng đã chạm đáy của đợt điều chỉnh sóng A và có thể bắt đầu vào pha sóng B tăng giá. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý giới hạn tăng điểm của sóng B sẽ là 1,210 điểm và do vậy nhà đầu tư cần thận trọng khi chỉ số tiến về khu vực kháng cự này. (iii) Trong giai đoạn này sẽ có khoảng 10% số mã sẽ tiếp tục phá đỉnh và cũng có khoảng 10 – 20% số mã sẽ tiếp tục phá đáy. Do vậy, nhà đầu tư nên chú trọng quản trị rủi ro với danh mục mình nắm giữ hơn chỉ nhìn chỉ số chung.

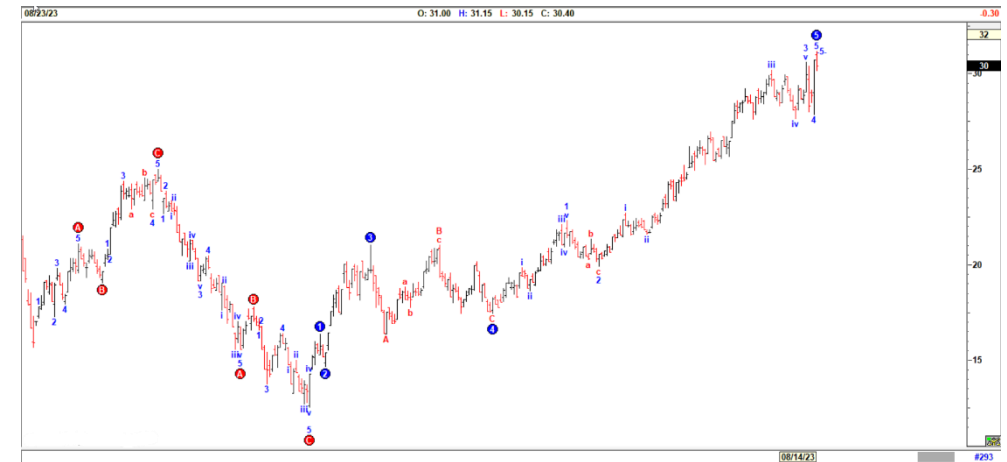
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang VCB, STB, SSI, TPB...cho tín hiệu tiêu cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 58.62% giá đóng cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch ngày mai. Kháng cự là 1,210 điểm. Hỗ trợ vùng 1,150 điểm.

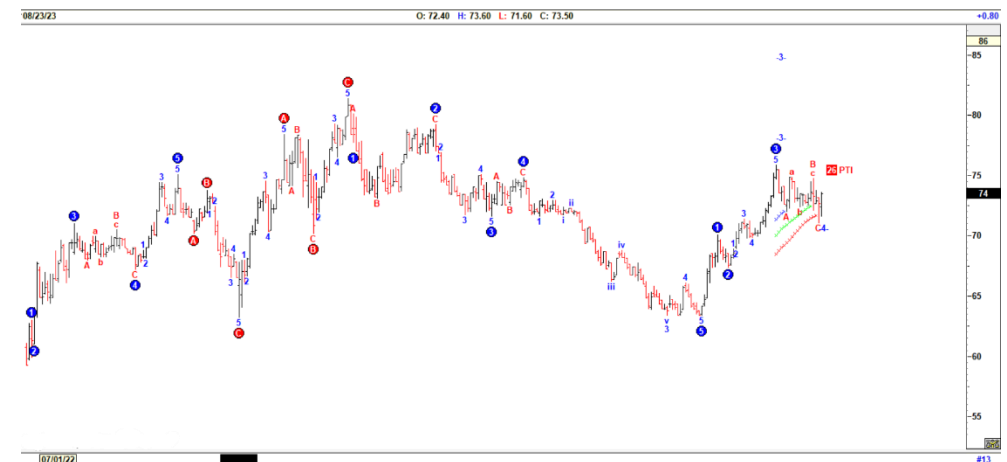
Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu SSI



Biểu đồ cổ phiếu VNM



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	486.45	488.83	484.07	NO	491.36	501.03	505.94	515.61	476.78	471.87	462.2	457.29
HNXINDEX	239.16	239.71	238.61	NO	240.68	243.29	244.81	247.42	236.55	235.03	232.42	230.9
UPINDEX	89.45	89.49	89.42	YES	89.77	90.14	90.46	90.83	89.08	88.76	88.39	88.07
VN30	1189.4	1192.7	1186.2	NO	1201.4	1219.8	1231.7	1250.1	1171	1159.1	1140.7	1128.8
VNINDEX	1178.4	1181.3	1175.5	NO	1187.9	1203.3	1212.8	1228.2	1163	1153.5	1138.1	1128.6
VNXALL	1876.1	1880.8	1871.4	NO	1891.2	1915.7	1930.8	1955.3	1851.6	1836.5	1812	1796.9
VN30F1M	1186.1	1188.8	1183.3	NO	1199.1	1217.7	1230.7	1249.3	1167.5	1154.5	1135.9	1122.9
VN30F1Q	1184.1	1187.2	1181.1	NO	1194.9	1211.6	1222.4	1239.1	1167.4	1156.6	1139.9	1129.1
VN30F2M	1185.1	1187.6	1182.6	NO	1197.9	1215.7	1228.5	1246.3	1167.3	1154.5	1136.7	1123.9
VN30F2Q	1179	1182.5	1175.5	NO	1188.1	1204.2	1213.3	1229.4	1162.9	1153.8	1137.7	1128.6
BCM	67.5	67.4	67.6	NO	68.7	69.7	70.9	71.9	66.5	65.3	64.3	63.1
BID	45.77	45.8	45.73	YES	46.13	46.57	46.93	47.37	45.33	44.97	44.53	44.17
ACB	22	22.08	21.92	NO	22.15	22.45	22.6	22.9	21.7	21.55	21.25	21.1
BVH	45.35	45.28	45.43	NO	45.75	46	46.4	46.65	45.1	44.7	44.45	44.05
CTG	31.37	31.4	31.33	NO	31.68	32.07	32.38	32.77	30.98	30.67	30.28	29.97
GVR	19.32	19.38	19.26	NO	19.48	19.77	19.93	20.22	19.03	18.87	18.58	18.42
GAS	101.43	101.2	101.67	NO	102.57	103.23	104.37	105.03	100.77	99.63	98.97	97.83
FPT	86	85.75	86.25	NO	87.3	88.1	89.4	90.2	85.2	83.9	83.1	81.8
HDB	16.18	16.22	16.14	NO	16.32	16.53	16.67	16.88	15.97	15.83	15.62	15.48
HPG	25.92	26.05	25.78	NO	26.18	26.72	26.98	27.52	25.38	25.12	24.58	24.32
MBB	18.1	18.15	18.05	NO	18.2	18.4	18.5	18.7	17.9	17.8	17.6	17.5
MSN	77.7	77.8	77.6	NO	78.4	79.3	80	80.9	76.8	76.1	75.2	74.5
MWG	49.87	49.95	49.78	NO	50.53	51.37	52.03	52.87	49.03	48.37	47.53	46.87
PLX	37.47	37.5	37.43	YES	38.03	38.67	39.23	39.87	36.83	36.27	35.63	35.07
POW	12.55	12.65	12.45	NO	12.75	13.15	13.35	13.75	12.15	11.95	11.55	11.35
SAB	150.97	151.4	150.53	NO	151.93	153.77	154.73	156.57	149.13	148.17	146.33	145.37
SSB	27.58	27.27	27.89	NO	28.92	29.63	30.97	31.68	26.87	25.53	24.82	23.48
SHB	12.05	12.07	12.03	NO	12.2	12.4	12.55	12.75	11.85	11.7	11.5	11.35
SSI	30.57	30.65	30.48	NO	30.98	31.57	31.98	32.57	29.98	29.57	28.98	28.57
TCB	33.53	33.7	33.37	NO	33.87	34.53	34.87	35.53	32.87	32.53	31.87	31.53
STB	31.28	31.48	31.09	NO	31.82	32.73	33.27	34.18	30.37	29.83	28.92	28.38
TPB	18.5	18.5	18.5	YES	18.65	18.8	18.95	19.1	18.35	18.2	18.05	17.9
VHM	55.27	55.65	54.88	NO	56.13	57.77	58.63	60.27	53.63	52.77	51.13	50.27
VCB	87.1	87.5	86.7	NO	88.1	89.9	90.9	92.7	85.3	84.3	82.5	81.5
VIB	19.75	19.75	19.75	YES	20	20.25	20.5	20.75	19.5	19.25	19	18.75
VJC	97	97.25	96.75	NO	98	99.5	100.5	102	95.5	94.5	93	92
VIC	66.33	67	65.67	NO	67.67	70.33	71.67	74.33	63.67	62.33	59.67	58.33
VPB	20.45	20.55	20.35	NO	20.65	21.05	21.25	21.65	20.05	19.85	19.45	19.25
VNM	72.9	72.6	73.2	NO	74.2	74.9	76.2	76.9	72.2	70.9	70.2	68.9
VRE	29.12	29.3	28.93	NO	29.53	30.32	30.73	31.52	28.33	27.92	27.13	26.72

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
CKG	1,257,600	494,390	254	6.95
DVN	1,085,500	127,970	848	3.63
HDA	1,012,500	115,920	873	5.45
SHA	269,600	115,500	233	6.82
KGM	189,900	90,050	210.88	1.57
D2D	115,200	48,880	236	-0.17
C32	102,400	30,330	338	-0.27
ACV	84,600	30,270	279.48	0.38
DVP	81,600	22,660	360	0.34
FUEDCMID	70,300	22,940	306	-0.8
LSG	57,000	27,820	204.89	13.98
LBM	55,200	20,220	273	2.65
PGV	54,300	25,670	212	-4.17
ISH	51,400	1,790	2,872	-0.47
GEE	49,500	21,650	229	0
PJT	38,600	6,390	604.07	1.37
PCC	34,600	16,820	206	-1.16
NHT	31,000	8,280	374	-2.51
HMH	30,000	14,100	213	-8.65
FUEMAVND	30,000	7,800	385	-0.47
SBA	29,100	12,510	232.61	-0.43
VRG	22,700	10,030	226	12.08
DTG	20,800	9,620	216	-0.99
GTS	20,000	1,390	1,439	0
APF	16,800	6,200	271	0
TCW	15,900	7,280	218.41	-0.39
ABC	15,400	4,950	311	5.13
PRT	15,100	5,820	259	-3.33
TCR	12,800	5,690	225	2.56
SKH	12,800	3,330	384	0
HAS	12,200	4,970	245	-5.09
SED	11,700	4,570	256	0
BSP	10,500	1,010	1,040	10.38
SC5	10,500	1,510	695	-5.47
CDP	10,000	910	1,099	-1.74
TBC	9,600	3,790	253	-1.04
QTC	9,200	950	968	-8.53
DNP	8,200	3,870	212	3.31
MH3	6,400	2,970	215	-2.86
TA9	6,300	2,520	250	-0.83

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: CKG, DVN ... bùng nổ khối lượng giao dịch

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
22-Aug	FRT	Mua	≤ 75	10% -20%	Cổ phiếu kết thúc sóng 4 giảm giá với mẫu hình ABC
22-Aug	DGW	Mua	≤ 52.5	10% -20%	Cổ phiếu kết thúc sóng 4 giảm giá với mẫu hình ABC
22-Aug	IPA	Mua	≤ 20	10% -20%	Cổ phiếu phá vỡ mô hình tam giác
22-Aug	TV2	Mua	≤ 40.5	10% -20%	Cổ phiếu thiết lập sóng 5 tăng giá
22-Aug	TCH	Mua	≤ 13.2	10% -20%	Cổ phiếu thiết lập sóng 5 tăng giá

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI NÀO**.

Tin tức kinh tế, vĩ mô (Quy luật suy thoái bằng cân đối kế toán)

- Sự khác biệt và mối liên hệ giữa lý thuyết suy thoái bằng cân đối kế toán và các lý thuyết suy thoái kinh điển khác là gì?

Trở lại bản chất của kinh tế học, chúng ta hiểu rằng lý thuyết suy thoái bằng cân đối kế toán tương đương với lý thuyết "Giảm phát - Nợ" của Fisher + lý thuyết "Máy gia tốc tài chính" của Bernanke + lý thuyết "nguy biến tổng thể" của Samuelson + lý thuyết "bẫy thanh khoản" của Keynes. Cụ thể, lý thuyết "giảm phát nợ" cung cấp nền tảng lý thuyết. Lý thuyết "máy gia tốc tài chính" cung cấp đường truyền của giá tài sản - bằng cân đối kế toán doanh nghiệp - đầu tư doanh nghiệp; cơ chế khuếch đại của vòng xoáy giảm phát; khuôn khổ "bẫy thanh khoản" tương ứng với quy định chính sách. Trên cơ sở những điều trên, lý thuyết suy thoái bằng cân đối kế toán sửa đổi giả định "người có lý trí" một chiều, đưa ra mô hình hành vi "giảm thiểu nợ" và đưa nó vào các lý thuyết cổ điển khác nhau. Lý thuyết suy thoái bằng cân đối kế toán cũng phân biệt độc đáo hai trạng thái kinh tế "Âm" và "Dương", và dựa trên dữ liệu cấp vĩ mô cùng các suy luận liên quan, để đưa ra một diễn giải và khuyến nghị chính sách hợp lý và nhất quán.

- ✓ Đầu tiên, từ góc nhìn thẳng đứng, lý thuyết về Cầu không đủ hiệu quả của Keynes và lý thuyết Giảm phát - Nợ của Fisher là hai lý thuyết tiêu biểu để giải thích cuộc Đại suy thoái, và lý thuyết suy thoái bằng cân đối kế toán thực sự dựa vào và tích hợp hai lý thuyết này. Đối phó với lý thuyết về Cầu không đủ hiệu quả của Keynes và lý thuyết Giảm phát - Nợ của Fisher, ta có thể thấy rằng Keynes đã kê đúng loại thuốc (chính sách tài khóa) nhưng không tìm ra đúng nguyên nhân, và Fisher đã tìm đúng nguyên nhân (trả nợ) nhưng không kê đúng thuốc. Trước hết, việc giảm thiểu nợ doanh nghiệp là nền tảng vĩ mô đã bị lãng quên từ lâu trong kinh tế học vĩ mô của Keynes vì vậy chính sách tiền tệ thất bại. Thứ hai, trong lý thuyết suy thoái bằng cân đối kế toán, giảm phát không phải là nguyên nhân mà là kết quả. Trả nợ thay vì đầu tư và người dân ngừng tiêu dùng, tiết kiệm, dẫn đến nhu cầu thực tế giảm, từ đó dẫn đến suy thoái kinh tế, tạo ra một vòng luân quán
- ✓ Thứ hai, nhìn theo chiều ngang, lý thuyết suy thoái bằng cân đối kế toán đã tiếp thu lý thuyết "máy gia tốc tài chính", nghĩa là giá tài sản có thể ảnh hưởng đến chi tiêu đầu tư của công ty, bằng cách thay đổi trạng thái bằng cân đối kế toán của công ty, do đó ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế và những cú sốc bên ngoài cũng có thể ảnh hưởng đến giá trị ròng của công ty thông qua thể chấp trên thị trường tín dụng. Tuy nhiên, Richard Koo tin rằng những quan điểm nêu trên chưa nắm bắt được bản chất của tình trạng trì trệ lớn của Nhật Bản. Một là khác với tình trạng cầu mạnh, cung không đủ, lạm phát cao, lãi suất cao khi cải cách cung được thực hiện ở Mỹ và Anh vào những năm 1980. Trong thời kỳ đại đình trệ, Nhật Bản thừa cung, thiếu cầu. Hai, trong giai đoạn này, cung tiền giảm mạnh là do doanh nghiệp tích cực trả nợ chứ không phải do chính sách thắt chặt tiền tệ hay giảm cung tín dụng trong hệ thống tài chính, nghĩa là nguyên nhân sâu xa là do nhu cầu vay nợ giảm chủ động. Thứ ba, về phản ứng chính sách, khi bằng cân đối kế toán suy thoái, chính sách tiền tệ nói lỏng sẽ không phát huy tác dụng tối đa, chính sách kích thích tài khóa sẽ hỗ trợ hoạt động của hệ thống kinh tế và tài chính bằng cách lấp đầy khoảng trống cầu và thúc đẩy tăng cung tiền
- ✓ Thứ ba, từ góc độ của bản thân lý thuyết suy thoái bằng cân đối kế toán, lý thuyết này có một số đổi mới khác với lý thuyết truyền thống. Nó phân biệt hai trạng thái của kinh tế "Âm" và "Dương": khi nền kinh tế hoạt động bình thường, nó ở trạng thái tích cực và lúc này các công ty hoạt động theo các giả định lý thuyết về tối đa hóa lợi nhuận hàn

lâm. Nhưng khi bong bóng tài sản vỡ và bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp bị tổn hại nghiêm trọng, ở trạng thái “Âm”, lúc này doanh nghiệp sẽ theo đuổi mục tiêu giảm thiểu nợ vay.

Mặc dù lý thuyết suy thoái bảng cân đối kế toán rất phổ biến trong giới tài chính, nhưng lý thuyết này ít được thảo luận hơn trong giới học thuật, một phần vì lý thuyết suy thoái bảng cân đối kế toán không phải là một lý thuyết kinh tế hay tài chính chặt chẽ, nó giống như một tập hợp kinh nghiệm hơn. Hơn nữa, tính chặt chẽ về mặt học thuật và tính hoàn chỉnh của lý thuyết này xét về các giả định, suy luận logic và xác minh thực nghiệm cần phải được hoàn thiện.

Lý thuyết này chia nền kinh tế thành hai giai đoạn "Âm" và "Dương", tạo điều kiện thuận lợi cho việc dán nhãn lý thuyết và phổ biến rộng rãi trong công chúng, nhưng sự phân chia này không chặt chẽ; mục tiêu là tối đa hóa lợi nhuận của công ty nhưng khi bảng cân đối kế toán bị tổn hại sẽ thay đổi mục tiêu ưu tiên đột ngột để giảm thiểu nợ đã không đáp ứng yêu cầu của kinh tế học chuẩn tắc và trong nền kinh tế thực, người ta nghi ngờ liệu các doanh nghiệp có thực sự theo đuổi mục tiêu giảm thiểu nợ hay không. Đặc điểm hành vi của công ty về giảm thiểu nợ chỉ có thể là kết quả của việc tối đa hóa lợi nhuận của công ty dưới các cơ hội đầu tư hạn chế trong tương lai và có khả năng tác động ngược lại có thể là nguyên nhân.

Từ góc độ khả năng ứng dụng lý thuyết, khu vực tư nhân mất khả năng thanh toán sau khi bong bóng vỡ là tiền đề dẫn đến suy thoái bảng cân đối kế toán, nhưng tình trạng này tương đối cực đoan và hiếm khi xảy ra. Trong 100 năm qua, chỉ có một vài trường hợp tiêu biểu như cuộc Đại suy thoái ở Hoa Kỳ và cuộc Đại đình trệ ở Nhật Bản, kinh nghiệm cụ thể của những trường hợp đặc biệt cho thấy lý thuyết giai đoạn "tiêu cực" này khó có thể áp dụng vào những trường hợp thông thường để phân tích chu kỳ kinh tế. Mặt khác, điều này cũng có thể hạn chế tính tổng quát của lý thuyết.

Để đối phó với các sự kiện lớn như Đại đình trệ ở Nhật Bản, trong khoảng thời gian kéo dài vài thập kỷ, chỉ có một dòng chính được đưa ra và chỉ hành vi trả nợ sau khi bảng cân đối kế toán bị tổn hại, đồng thời hạ thấp sự thiếu đổi mới công nghiệp của Nhật Bản và dân số già hóa. Dưới các đặc điểm kết hợp của các vấn đề kinh tế nội bộ như tỷ lệ sinh giảm, nợ xấu và các công ty xác sống, lý thuyết suy thoái bảng cân đối kế toán có xu hướng ưu tiên là những câu chuyện lớn và cần phải thận trọng khi áp dụng nó.

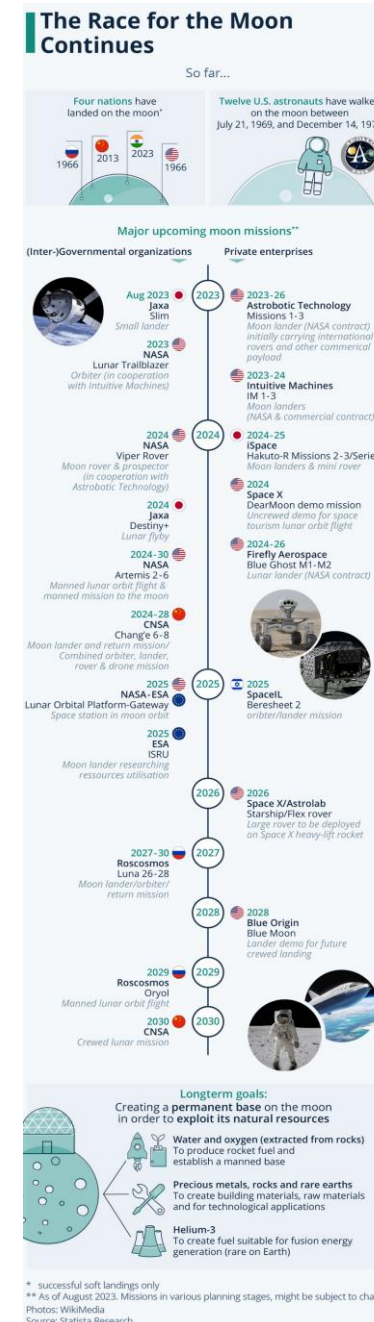
Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng $\frac{1}{2}$ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Cuộc đua giành mặt trăng vẫn tiếp tục

Với sự thành công của sứ mệnh Chandrayaan-3 của Ấn Độ ngày hôm nay, quốc gia thứ tư đã đặt chân lên mặt trăng bằng một cuộc hạ cánh nhẹ nhàng. Cả Hoa Kỳ và Liên Xô đều chạm tới vệ tinh của Trái đất lần đầu tiên vào năm 1966, trong khi Trung Quốc theo sau vào năm 2013. Hoa Kỳ vẫn là quốc gia duy nhất đã đi trên mặt trăng, nhưng điều đó cũng có thể thay đổi trong tương lai, khi cuộc đua giành mặt trăng đang bắt đầu lại. Một số quốc gia và công ty tư nhân đã công bố sứ mệnh mặt trăng. Đồ họa của chúng tôi cung cấp một danh sách về những điều này. Do sự không chắc chắn của chuyến bay vào vũ trụ, ngày tháng có thể thay đổi. Một vụ phóng mới sẽ nhanh chóng diễn ra vào tháng 8 này, khi cơ quan vũ trụ Nhật Bản Jaxa đang gửi một tàu đổ bộ nhỏ lên đường. Thời gian còn lại của năm thậm chí còn bận rộn hơn với hai công ty nằm trong chương trình Dịch vụ tải trọng mặt trăng thương mại của NASA, Công nghệ Astrobotic và Máy trực quan, triển khai các sứ mệnh đầu tiên, mang theo nhiều loại trọng tải, tàu quỹ đạo mặt trăng Lunar Trailblazer của NASA, vệ tinh mặt trăng thu nhỏ của Dogecoin, các dự án rovers và vật lưu niệm quốc tế. Người được cấp thứ ba, Masten Space Systems, đã được Astrobotic tiếp thu. Sứ mệnh năm 2024 của công ty này sẽ mang theo tàu thám hiểm mới của NASA, Viper. Hoa Kỳ cũng sẽ bắt đầu lại các chuyến bay có phi hành đoàn vào năm tới, dự kiến sẽ đưa người mới lên mặt trăng vào năm 2025. Các chuyến bay có phi hành đoàn và cuộc đổ bộ của Nga và Trung Quốc đã được công bố lần lượt vào năm 2029 và 2030. Các sứ mệnh tiếp theo vào năm 2024 là bản demo dự kiến của SpaceX về chuyến bay quỹ đạo du lịch có phi hành đoàn của họ và một vụ phóng mới từ Trung Quốc. NASA và ESA dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động trên trạm vũ trụ trên quỹ đạo mặt trăng vào năm 2025 và EU dự kiến sẽ bắt đầu nghiên cứu việc sử dụng tài nguyên trên mặt trăng vào năm đó. Công ty SpaceIL của Israel đang thực hiện nỗ lực hạ cánh mới vào năm 2025 sau khi sứ mệnh đầu tiên thất bại và chuyến bay mới của Roscosmos vẫn tiếp tục diễn ra vào năm 2027. Những năm qua của cuộc đua mới lên mặt trăng cũng không thiếu những nhiệm vụ thất bại. Trong khi SpaceIL bị rơi vào tháng 4 năm 2019 và cơ quan vũ trụ Ấn Độ ISRO rơi vào tháng 7 năm đó với Chandrayaan-2, thì iSpace của Nhật Bản đã mất tàu đổ bộ vào năm 2022 cùng với tàu thám hiểm Rashid của UAE cũng có mặt trên tàu. Vào Chủ nhật, nỗ lực hạ cánh nhẹ nhàng của Nga trong khuôn khổ chương trình mặt trăng mới của họ đã thất bại.



TTCK MỸ: NVIDIA sẽ công bố kinh doanh sau giờ giao dịch

Vận động của S&P 500 và Nasdaq vẫn trong mẫu hình tiêu cực



S&P 500 có thể vận động thành mô hình vai đầu vai đảo chiều ở đỉnh



S&P 500 thay đổi trước và sau khi FED Speeches ở Jackson Hole

S&P 500 Price Change before/on/after Fed Speeches at Jackson Hole (JH)

Since 1998 Jackson Hole Speech Day	Cumulative 2 Weeks Into JH	S&P 500 1D Speech Day	Cumulative 1 Week Post JH	Cumulative 1 Month Post JH	Cumulative 2 Months Post JH
8/28/1998	-3.0%	-1.5%	-6.6%	-2.5%	5.4%
8/27/1999	4.9%	-1.0%	-0.4%	-6.9%	0.1%
8/25/2000	3.3%	-0.1%	0.8%	-5.4%	-8.5%
8/31/2001	-4.5%	0.4%	-3.2%	-6.4%	-0.9%
8/30/2002	-1.3%	-0.2%	-1.6%	-9.8%	-1.8%
8/29/2003	1.2%	0.5%	2.9%	1.5%	4.8%
8/27/2004	3.9%	0.2%	0.8%	0.9%	2.3%
8/26/2005	-2.1%	-0.6%	0.5%	0.4%	-1.2%
8/25/2006	1.9%	-0.1%	1.2%	3.1%	6.3%
8/31/2007	3.3%	1.1%	-0.4%	5.6%	3.6%
8/22/2008	0.9%	1.1%	0.4%	-7.2%	-31.4%
8/21/2009	1.0%	1.9%	2.1%	5.3%	7.2%
8/27/2010	-3.4%	1.7%	5.5%	9.3%	13.0%
8/26/2011	-1.1%	1.5%	1.3%	-0.7%	10.9%
8/31/2012	-1.1%	0.5%	2.1%	3.7%	2.1%
8/22/2014	4.3%	-0.2%	0.6%	0.3%	-1.4%
8/26/2016	-0.6%	-0.2%	0.3%	-0.1%	-2.1%
8/25/2017	0.0%	0.2%	1.5%	2.8%	5.8%
8/24/2018	0.1%	0.6%	1.6%	1.7%	-6.9%
8/23/2019	-0.5%	-2.6%	0.1%	2.1%	3.4%
8/27/2020	2.9%	0.2%	-0.7%	-4.1%	-4.8%
8/27/2021	0.2%	0.9%	1.5%	-2.5%	3.0%
8/26/2022	-0.2%	-3.4%	-6.5%	-11.4%	-7.1%
Average	0.4%	0.0%	0.2%	-0.9%	0.1%
Median	0.1%	0.2%	0.6%	0.3%	2.1%
Win Ratio	57%	57%	70%	52%	57%

Positive 2 Weeks Into Jackson Hole (N=13)

Average	2.2%	0.4%	0.9%	-0.4%	-1.5%
Median	0.1%	0.2%	0.6%	0.3%	2.1%
Win Ratio	-	69%	77%	62%	62%

Negative 2 Weeks Into Jackson Hole (N=10)

Average	-1.8%	-0.4%	-0.8%	-1.5%	2.2%
Median	0.1%	0.2%	0.6%	0.3%	2.1%
Win Ratio	-	40%	60%	40%	50%

Since 2003 - Negative 2 Weeks Into Jackson Hole (N=7)

Average	-1.3%	-0.4%	0.5%	0.5%	2.7%
Median	0.2%	0.4%	1.0%	1.2%	2.7%
Win Ratio	-	43%	86%	57%	57%

8/25/2023

Source: Fundstrat, Bloomberg

Kết luận: Dự báo các chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769